

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển  
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 61

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	
Ông Võ Quang Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

# Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61141397/17157893-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Building a better  
working world

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 3 năm 2014.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phò Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lê Quý Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

00  
01  
02  
03  
04  
05  
06  
07  
08  
09  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>700.222.849.925</b>	<b>606.647.829.073</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>54.385.152.551</b>	<b>102.431.720.910</b>
111	1. Tiền		43.232.892.565	17.423.220.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.152.259.986	85.008.500.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>19.271.543.907</b>	<b>3.439.996.983</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		22.234.215.740	6.402.715.740
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.962.671.833)	(2.962.718.757)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>478.713.890.549</b>	<b>392.468.530.154</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	397.427.735.291	322.737.290.557
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	47.372.446.601	29.442.169.423
135	3. Các khoản phải thu khác	7	36.961.094.197	65.541.735.332
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(3.047.385.540)	(25.252.665.158)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>113.006.519.776</b>	<b>81.946.470.507</b>
141	1. Hàng tồn kho		113.006.519.776	81.946.470.507
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>34.845.743.142</b>	<b>26.361.110.519</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		666.394.101	442.445.478
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.477.613.928	5.422.858.233
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	23.701.735.113	20.495.806.808
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>387.979.897.863</b>	<b>342.887.010.446</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>221.370.126.138</b>	<b>186.780.148.603</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	163.124.460.128	126.210.838.254
222	Nguyên giá		206.068.607.800	163.834.944.311
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.944.147.672)	(37.624.106.057)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.025.610.093	14.939.976.271
228	Nguyên giá		21.937.393.457	24.492.380.384
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.911.783.364)	(9.552.404.113)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	47.220.055.917	45.629.334.078
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>138.574.259.059</b>	<b>129.721.650.359</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		13.249.150.784	19.381.626.801
258	2. Đầu tư dài hạn khác		144.403.982.001	121.403.186.137
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.078.873.726)	(11.063.162.579)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.563.732.666</b>	<b>17.756.171.484</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	18.400.692.016	16.547.912.101
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	2.226.830.650	833.399.383
268	3. Tài sản dài hạn khác		936.210.000	374.860.000
<b>269</b>	<b>C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>	<b>15</b>	<b>6.471.780.000</b>	<b>8.629.040.000</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.088.202.747.788</b>	<b>949.534.839.519</b>

B01-DN/HN  
 10/12/14  
 H/H  
 H/H  
 H/H  
 H/H



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>388.713.047.048</b>	<b>296.877.056.431</b>
<b>310</b>	<b>i. Nợ ngắn hạn</b>		<b>345.776.090.920</b>	<b>286.950.517.692</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	74.094.827.699	81.591.738.221
312	2. Phải trả người bán	17.1	181.699.236.511	158.747.339.883
313	3. Người mua trả tiền trước	17.2	31.025.834.445	5.473.419.598
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	12.434.591.049	8.156.850.684
315	5. Phải trả người lao động		9.541.979.248	978.281.826
316	6. Chi phí phải trả	19	2.543.855.785	1.823.038.890
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	28.899.742.028	17.886.678.961
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22.1	2.830.487.978	8.338.331.154
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.705.536.177	3.954.838.477
<b>330</b>	<b>ii. Nợ dài hạn</b>		<b>42.936.956.128</b>	<b>9.926.538.739</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	21	33.290.524.217	-
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22.2	4.644.406.991	4.522.565.776
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		5.002.024.920	2.809.823.993
339	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	2.594.148.970
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>681.894.449.316</b>	<b>645.956.973.838</b>
<b>410</b>	<b>i. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>681.894.449.316</b>	<b>645.956.973.838</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		379.399.090.000	373.399.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		118.432.900.000	117.832.900.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(71.500.000)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		20.584.145.194	19.084.145.194
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		15.517.195.346	14.017.195.346
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.832.618.776	116.423.643.298
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>24</b>	<b>17.595.251.424</b>	<b>6.700.809.250</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.088.202.747.788</b>	<b>949.534.839.519</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	1.561.325.473	1.561.325.473
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	12.003	147.640
- Đồng EURO (EUR)	-	20.597



Người lập  
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	330.621.604.296	418.706.908.180
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	330.621.604.296	418.706.908.180
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(204.708.309.379)	(331.959.555.193)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.913.294.917	86.747.352.987
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	17.012.475.184	38.335.472.317
22	6. Chi phí tài chính	27	(14.652.061.043)	(10.016.103.075)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.164.084.873)	(3.365.538.460)
24	7. Chi phí bán hàng		(14.060.374.448)	(7.111.415.459)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(48.280.095.658)	(69.850.961.929)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.933.238.952	38.104.344.841
31	10. Thu nhập khác	28	10.220.204.271	1.403.304.513
32	11. Chi phí khác	28	(13.384.793.116)	(1.839.729.679)
40	12. Lỗ khác	28	(3.164.588.845)	(436.425.166)
45	13. Phần lãi từ công ty liên kết	13.1	1.605.931.258	315.261.153
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		64.374.581.365	37.983.180.828
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(3.938.960.504)	(6.713.185.020)
52	16. Thu nhập thuế hoãn lại	30.3	1.393.431.266	700.606.982
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		61.829.052.127	31.970.602.790
61	Trong đó:			
61	Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số	24	(2.270.257.826)	(657.697.587)
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	23.1	64.099.309.953	32.628.300.377

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu Trong đó: Lãi cơ bản Lãi suy giảm	32	1.694 1.694	889 889



Người lập  
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		295.320.604.967	379.009.284.636
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(221.087.473.669)	(389.091.178.099)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(62.098.934.769)	(62.356.143.708)
04	Tiền chi trả lãi		(6.295.127.904)	(3.282.769.877)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	30.2	(2.948.950.727)	(3.713.064.527)
06	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		32.728.526.701	10.019.980.485
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(47.744.334.332)	(37.684.908.471)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(12.125.689.733)</b>	<b>(107.098.799.561)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(67.487.591.191)	(44.210.589.967)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.476.276.273	1.294.717.509
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(21.130.000.000)	(1.230.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.438.500.000	13.510.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(19.552.300.000)	(32.687.464.230)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		14.234.404.136	10.558.376.417
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.138.112.042	47.893.834.325
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(63.882.598.740)</b>	<b>(4.871.125.946)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		31.817.000.000	7.150.000.000
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		13.164.700.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(71.500.000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		154.439.516.646	107.477.127.587
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(128.895.509.858)	(27.249.259.566)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.329.579.922)	(64.345.400.506)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>27.959.926.866</b>	<b>23.032.467.515</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TE HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

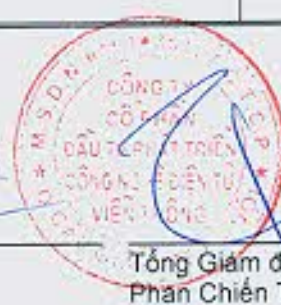
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(48.048.361.607)	(88.937.457.992)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		102.431.720.910	190.775.617.279
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		1.793.248	593.561.623
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	54.385.152.551	102.431.720.910



Người lập  
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc  
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101435127, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 397 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 212).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
3	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom (i)	100%	100%	Tại thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

STT	Tên công ty	lợi nhuận	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (ii)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc (iii)	59,23%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.
6	Công ty Cổ phần Elcom Plus (iv)	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
7	Công ty TNHH VTS Hải Phòng (v)	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000048 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 100% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này chưa đi vào hoạt động.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106518955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đang thực hiện dự án Quỹ thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ngày 14 tháng 4 năm 2014 và Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0106659610 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014, Công ty Cổ phần Elcom Plus được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (v) Đây là công ty con mới thành lập trong năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106645015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là Việt Nam Đồng ("VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang giá vốn lao động trực tiếp chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

TT  
CK  
C  
HA  
NS  
VI  
TẠI  
SIE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

##### *Mua tài sản*

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

##### *Các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát*

Khi Công ty mua lại lợi ích của các cổ đông thiểu số trong một công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua được trình bày là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần quyền sở hữu trong một công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã bán được ghi nhận là một khoản lãi hoặc lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### 3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

10/11/2015  
YÊU ĐU  
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của các công ty liên kết và đầu tư được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty và các công ty con quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá công với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)*

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty và các công ty con xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

##### *Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Tiền mặt	699.735.756	895.297.072
Tiền gửi ngân hàng	42.533.156.809	16.527.923.838
Các khoản tương đương tiền (*)	11.152.259.986	85.008.500.000
	<b>54.385.152.551</b>	<b>102.431.720.910</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VNĐ với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,7%/năm.

11  
 CH  
 C  
 HN  
 VST  
 VIET  
 AI  
 Y/E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (i)	4.414.215.740	4.414.215.740
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	6.820.000.000	-
Các khoản cho vay khác (iii)	6.000.000.000	1.988.500.000
Các khoản cho bên liên quan vay (iv)	5.000.000.000	-
	<b><u>22.234.215.740</u></b>	<b><u>6.402.715.740</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.962.671.833)	(2.962.718.757)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào cổ phiếu ngắn hạn được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	6.819	67.295.740	6.621	67.295.740
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	140.771	<u>4.346.920.000</u>	140.771	<u>4.346.920.000</u>
		<b><u>4.414.215.740</u></b>		<b><u>4.414.215.740</u></b>

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm với lãi suất 7,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

(iii) Bao gồm các khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm.

(iv) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm.

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

### 6.1 Phải thu khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	397.264.535.291	308.767.427.296
Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>163.200.000</u>	<u>13.969.863.261</u>
	<b><u>397.427.735.291</u></b>	<b><u>322.737.290.557</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.506.960.540)	(3.826.167.753)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Trả trước cho người bán	34.372.446.601	15.005.594.423
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	13.000.000.000	14.436.575.000
	<b>47.372.446.601</b>	<b>29.442.169.423</b>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (ii)	-	14.799.200.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn (ii)	-	12.186.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	1.535.736.137	1.971.029.957
Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	1.600.000.000
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.057.777.778	357.777.778
Phải thu Công ty Liên doanh Khai thác mỏ Đông Dương Xanh	100.000.000	500.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	260.000.000	461.636.000
Phải thu hàng mượn thử nghiệm (iii)	7.708.748.659	9.533.402.464
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	2.548.010.366
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	3.148.000.000	3.648.000.000
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	2.005.750.000
Phải thu Ông Đặng Tùng Anh	2.040.125.000	1.700.000.000
Phải thu Bà Phan Thị Thủy Dung	1.296.455.556	1.100.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	7.460.490.701	5.130.928.767
	<b>36.961.094.197</b>	<b>65.541.735.332</b>

Trong đó:

Phải thu khác	35.876.231.778	63.583.957.554
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.084.862.419	1.957.777.778

Dự phòng phải thu khó đòi (1.540.425.000) (21.426.497.405)

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Công ty đã thỏa thuận với các công ty này để chuyển đổi các khoản phải thu nêu trên thành vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Trung Văn (xem Thuyết minh số 13.2).

(iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Nguyên vật liệu	2.513.128.986	828.681.198
Công cụ, dụng cụ	1.046.947.948	1.150.361.809
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.888.973.538	46.232.710.735
Thành phẩm	2.886.629.568	4.226.245.161
Hàng hóa	24.670.839.736	29.508.471.604
	<b><u>113.006.519.776</u></b>	<b><u>81.946.470.507</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Tạm ứng cho nhân viên	9.083.148.572	10.869.928.690
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	14.618.586.541	9.625.878.118
	<b><u>23.701.735.113</u></b>	<b><u>20.495.806.808</u></b>

(\*) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm (Trình bày lại)	78.516.614.057	43.167.430.506	26.347.107.883	15.520.174.652	283.617.213	163.834.944.311
- Mua trong năm	-	61.229.712.780	-	402.506.273	95.090.869	61.727.309.922
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.020.080.459	277.812.500	-	766.615.604	-	2.064.508.563
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.721.693.227)	(2.711.534.495)	(100.200.000)	-	(21.533.427.722)
- Giảm khác	-	-	-	(24.727.274)	-	(24.727.274)
Số cuối năm	<u>79.536.694.516</u>	<u>85.953.262.559</u>	<u>23.635.573.388</u>	<u>16.564.369.255</u>	<u>378.708.082</u>	<u>206.068.607.800</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã hết khấu hao</i>	-	-	2.746.602.331	-	-	2.746.602.331
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm (Trình bày lại)	4.374.470.074	15.810.493.529	14.759.364.932	2.592.825.135	86.952.387	37.624.106.057
- Khấu hao trong năm	3.313.386.820	13.514.072.548	4.085.813.501	2.675.208.457	45.582.043	23.634.063.369
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.564.363.865)	(2.711.534.495)	(25.050.006)	-	(18.300.948.366)
- Giảm khác	-	-	-	(13.073.388)	-	(13.073.388)
Số cuối năm	<u>7.687.856.894</u>	<u>13.760.202.212</u>	<u>16.133.643.938</u>	<u>5.229.910.198</u>	<u>132.534.430</u>	<u>42.944.147.672</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>74.142.143.983</u>	<u>27.356.936.977</u>	<u>11.587.742.951</u>	<u>12.927.349.517</u>	<u>196.664.826</u>	<u>126.210.838.254</u>
Số cuối năm	<u>71.848.837.622</u>	<u>72.193.060.347</u>	<u>7.501.929.450</u>	<u>11.334.459.057</u>	<u>246.173.652</u>	<u>163.124.460.128</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 16)</i>	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	-	5.509.959.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Quyền thăm dò khai thác (**)	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm (Trình bày lại)	9.600.100.000	11.100.000.000	175.238.095	3.617.042.289	-	24.492.380.384
Mua trong năm	-	-	-	7.990.530.406	43.039.881	8.033.570.287
Thanh lý, nhượng bán	(7.100.100.000)	-	(175.238.095)	(813.219.119)	-	(8.088.557.214)
Giảm khác (***)	(2.500.000.000)	-	-	-	-	(2.500.000.000)
Số cuối năm	-	11.100.000.000	-	10.794.353.576	43.039.881	21.937.393.457
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm (Trình bày lại)	1.259.533.324	6.320.833.333	146.031.747	1.826.005.709	-	9.552.404.113
Khấu trừ trong năm	238.295.830	1.850.000.000	29.206.339	1.366.846.836	5.021.318	3.489.370.323
Thanh lý, nhượng bán	(831.162.500)	-	(175.238.086)	(456.923.832)	-	(1.463.324.418)
Giảm khác (***)	(666.666.654)	-	-	-	-	(666.666.654)
Số cuối năm	-	8.170.833.333	-	2.735.928.713	5.021.318	10.911.783.364
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm (Trình bày lại)	8.340.566.676	4.779.166.667	29.206.348	1.791.036.580	-	14.939.976.271
Số cuối năm	-	2.929.166.667	-	8.058.424.863	38.018.563	11.025.610.093

(\*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH953086 cấp năm 2009, với giá trị là 7,1 tỷ đồng. Giá trị này chủ yếu bao gồm tiền thuê đất, thuế và các chi phí trước khác.

Theo Quyết định số 1845/QĐ - UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 27 tháng 6 năm 2012, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã công bố về việc thu hồi quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời giá trị tài sản trên đất sẽ được đền bù theo đơn giá được áp dụng của UBND tỉnh Hà Tĩnh với giá trị 1,1 tỷ đồng. Ngoài ra, theo Quyết định số 2855/QĐ - UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 16 tháng 9 năm 2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định hoàn trả 1,089 tỷ đồng tiền thuế đất cho Công ty.

Công ty đã thực hiện theo quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Tĩnh và đã tiến hành bàn giao lại lô đất này cho UBND tỉnh Hà Tĩnh và ghi giảm giá trị tài sản này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)**

(\*\*) Đây là quyền thăm dò khai thác mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2523/GP-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Quyền khai thác thăm dò này phát sinh từ việc Công ty mua và nắm quyền kiểm soát đối với công ty con này.

(\*\*\*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản sang chi phí trả trước dài hạn.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Dự án Thanh Trì (*)	32.564.011.612	32.564.011.612
Dự án khai thác mỏ đồng Nà Pi (**)	11.882.303.314	10.698.792.710
Xây dựng hệ thống phòng sạch	1.368.873.980	1.368.873.980
Dự án Công nghệ vật liệu mới	679.722.491	855.863.891
Dự án Từ Liêm	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	478.542.635	95.190.000
	<b>47.220.055.917</b>	<b>45.629.334.078</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Công văn số 4119/UBND-KH&ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc cho phép Công ty nghiên cứu lập và triển khai dự án này theo phương thức tự thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự án hiện vẫn trong giai đoạn xin cấp phép quy hoạch mới.

(\*\*) Đây là dự án khai thác quặng đồng tại Khuổi Kim – Nà Pi, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn do công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn thực hiện. Chi phí của Dự án chủ yếu liên quan đến các chi phí ban đầu để thăm dò, khai thác thử nghiệm quặng đồng và chi phí triển khai dự án.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	13.249.150.784	19.381.626.801
Đầu tư dài hạn khác	13.2	144.403.982.001	121.403.186.137
- Đầu tư cổ phiếu		105.675.448.324	71.190.248.324
- Đầu tư dài hạn khác		38.728.533.677	50.212.937.813
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(19.078.873.726)	(11.063.162.579)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>		<b>138.574.259.059</b>	<b>129.721.650.359</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
		Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	200.000	9.917.063.123	200.000	8.594.609.849
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	300.000	3.332.087.661	300.000	3.282.317.987
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (i)	-	-	-	750.000	7.504.698.965
			<b>13.249.150.784</b>		<b>19.381.626.801</b>

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư:</b>				
Số đầu năm	2.000.000.000	3.000.000.000	7.500.000.000	12.500.000.000
- Giảm giá trị đầu tư	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số cuối năm	2.000.000.000	3.000.000.000	-	5.000.000.000
<b>Phản lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>				
Số đầu năm	6.594.609.849	282.317.987	4.698.965	6.881.626.801
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	1.322.453.274	283.477.984	-	1.605.931.258
Giảm khác	-	(233.708.310)	(4.698.965)	(238.407.275)
Số cuối năm	7.917.063.123	332.087.661	-	8.249.150.784
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.594.609.849	3.282.317.987	4.504.698.965	16.381.626.801
Số cuối năm	9.917.063.123	3.332.087.661	-	13.249.150.784



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty liên kết này như sau:

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)		Trụ sở chính	Hoạt động chính
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	40%	18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	30%	102/125 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (i)	17,14%	34,88%	Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển khoa học thực nghiệm, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- (i) Trong năm 2014, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân giảm xuống còn 17,14% do Công ty không tham gia vào đợt tăng vốn cổ phần của công ty này. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại lại thành đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>105.675.448.324</b>		<b>71.190.248.324</b>
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.250.000	28.590.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	52.081	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	10.886	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	36.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.645.000	21.100.898.824	1.645.000	21.100.898.824
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	30.000	750.000.000	30.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn(i)	371.699	26.985.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	750.000	7.500.000.000	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>38.728.533.677</b>		<b>50.212.937.813</b>
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (ii)		37.771.500.000		37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương (iii)		957.033.677		12.441.437.813
		<b>144.403.982.001</b>		<b>121.403.186.137</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		(19.078.873.726)		(11.063.162.579)

- (i) Đây là các khoản phải thu gốc và lãi từ các hợp đồng ủy thác đầu tư Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn trong năm 2011 (xem Thuyết minh số 7). Theo Nghị quyết số 01-11/2014/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông, giá trị các khoản ủy thác đầu tư này đã được chuyển thành khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trung Văn, tương đương với 371.699 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ.
- (ii) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.
- (iii) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/2013/HĐHT/ITELCOM-ELCOM giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương và Công ty với mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh dịch vụ VoIP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Công cụ, dụng cụ	8.891.090.886	8.517.960.319
Chi phí hoàn thành dự án nuôi tôm (*)	5.939.858.167	5.867.758.167
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.580.080.630	1.237.669.079
Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	1.928.878.798	119.818.186
Tiền thuê đất tại thị trấn Thiên Cầm	-	684.997.445
Chi phí trả trước dài hạn khác	60.783.535	119.708.905
	<b>18.400.692.016</b>	<b>16.547.912.101</b>

(\*) Đây là chi phí nghiên cứu cho dự án nuôi tôm của Công ty thực hiện tại Sóc Trăng từ năm 2013. Dự án vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu.

**15. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới (Trình bày lại)</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		21.572.600.000
Giảm khác		-
Số cuối năm		<u>21.572.600.000</u>
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		12.943.560.000
Phân bổ trong năm		<u>2.157.260.000</u>
Số cuối năm		<u>15.100.820.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		<u>8.629.040.000</u>
Số cuối năm		<u>6.471.780.000</u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	55.850.180.699	76.141.738.221
Vay ngắn hạn cá nhân (**)	12.724.500.000	5.450.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	5.520.147.000	-
	<b>74.094.827.699</b>	<b>81.591.738.221</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	4.999.990.660	Gốc được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 29 tháng 5 năm 2015	7%-8%	Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.974.708.330	Gốc được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 25 tháng 9 năm 2015	8,50%	Đảm bảo bằng 620.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện và sổ tiết kiệm của Ông Nguyễn Đức Thiện tại Techcombank
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Thăng Long	48.875.481.709	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 17 tháng 12 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	Từ 6,8% đến 10%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
	<b>55.850.180.699</b>			

(\*\*) Chi tiết vay ngắn hạn cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2015	5%	Tin chấp
Nguyễn Thanh Sơn	7.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 28 tháng 2 năm 2015	8,5%	Tin chấp
Trịnh Thái Thường	660.000.000	Kỳ hạn vay là 12 tháng, đáo hạn ngày 30 tháng 10 năm 2015	0%	Tin chấp
Trần Thị Phương	2.564.500.000	Thời hạn vay là 6-9 tháng kể từ lúc vay, đáo hạn cuối cùng vào ngày 9 tháng 9 năm 2015	0%	Tin chấp
	<b>12.724.500.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**17.1 Phải trả người bán**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	176.987.120.566	153.262.481.624
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.712.115.945	5.484.858.259
	<b><u>181.699.236.511</u></b>	<b><u>158.747.339.883</u></b>

**17.2 Người mua trả tiền trước**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	31.002.226.998	5.449.812.149
Các bên liên quan trả tiền (Thuyết minh số 31)	23.607.447	23.607.447
	<b><u>31.025.834.445</u></b>	<b><u>5.473.419.596</u></b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	6.397.959.316	5.407.949.539
Thuế thu nhập cá nhân	5.995.715.973	2.748.901.145
Các khoản phí, lệ phí	30.951.428	-
	<b><u>12.434.591.049</u></b>	<b><u>8.156.850.684</u></b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê nhà	1.260.000.000	1.281.134.547
Lãi vay	-	130.649.938
Chi phí phải trả khác	1.283.855.785	411.254.405
	<b><u>2.543.855.785</u></b>	<b><u>1.823.038.890</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Phải trả tiền nhận kỳ cược, kỳ quỹ ngắn hạn	1.361.093.567	1.341.093.567
Nhập khẩu ủy thác phải trả	8.004.108.824	8.004.108.824
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.680.925.059	186.562.833
Thù lao trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Bảo hiểm và thuế TNCN phải nộp cho người lao động	2.717.006	386.998.836
Kinh phí công đoàn	3.808.979.320	3.326.322.440
Cổ tức phải trả cho cổ đông	731.116.383	690.180.505
Phải trả phải nộp khác	9.905.919.639	546.529.726
	<b><u>28.899.742.028</u></b>	<b><u>17.886.678.961</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	27.625.913.174	16.612.850.107
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	1.273.828.854	1.273.828.854

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	38.810.671.217	-
	<b><u>38.810.671.217</u></b>	<b><u>-</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)</i>	5.520.147.000	-
<i>Vay dài hạn</i>	33.290.524.217	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN** (tiếp theo)

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Thời hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.996.632.181	36 tháng bắt đầu từ ngày 4 tháng 7 năm 2014	10%/ năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.599.000.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	8.248.919.036	32 tháng bắt đầu từ ngày 7 tháng 11 năm 2014	8%/ năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.193.200.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.639.735.000	48 tháng bắt đầu từ ngày 27 tháng 12 năm 2014	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>727.947.000</i>			
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội	22.925.385.000	96 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu hình thành trong tương lai từ dự án VTS Hải Phòng
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>			
	<b><u>38.810.671.217</u></b>			
<i>Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.520.147.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

**22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng bảo hành hàng hóa	2.830.487.978	2.669.879.125
Dự phòng tiền lương	-	5.668.452.029
	<b><u>2.830.487.978</u></b>	<b><u>8.338.331.154</u></b>

**22.2 Dự phòng phải trả dài hạn**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng bảo hành hàng hóa	4.644.406.991	4.522.565.776
	<b><u>4.644.406.991</u></b>	<b><u>4.522.565.776</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước:</b>								
Số đầu năm	366.249.090.000	117.832.900.000	-	16.784.145.194	10.517.195.346	3.000.000.000	160.258.790.699	674.642.121.239
- Tăng vốn trong năm	7.150.000.000	-	-	-	-	-	-	7.150.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	32.628.300.377	32.628.300.377
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(65.924.836.200)	(65.924.836.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	2.300.000.000	3.500.000.000	2.200.000.000	(8.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	361.388.422	361.388.422
Số cuối năm (Trình bày lại)	<u>373.399.090.000</u>	<u>117.832.900.000</u>	<u>-</u>	<u>19.084.145.194</u>	<u>14.017.195.346</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>116.423.643.298</u>	<u>645.956.973.838</u>
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm (Trình bày lại)	373.399.090.000	117.832.900.000	-	19.084.145.194	14.017.195.346	5.200.000.000	116.423.643.298	645.956.973.838
- Tăng vốn trong năm (*)	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	64.099.309.953	64.099.309.953
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(3.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(238.407.275)	(238.407.275)
Số cuối năm	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>20.584.145.194</u>	<u>15.517.195.346</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>142.832.618.776</u>	<u>681.894.449.316</u>

(\*) Trong năm, Công ty đã phát hành và niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 11.000 đồng/cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 001/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Số lượng cổ phiếu phổ thông này được chính thức niêm yết từ ngày 6 tháng 3 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	37.939.909	37.939.909	-	37.339.909	37.339.909	-
	<b>37.939.909</b>	<b>37.939.909</b>	<b>-</b>	<b>37.339.909</b>	<b>37.339.909</b>	<b>-</b>

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Vốn góp đầu năm	373.399.090.000	366.249.090.000
Tăng vốn trong năm	6.000.000.000	7.150.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>379.399.090.000</b>	<b>373.399.090.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>30.351.927.200</b>	<b>65.924.836.200</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ)

23.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>37.939.909</b>	<b>37.339.909</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>37.939.909</b>	<b>37.339.909</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.939.909	37.339.909
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>6.500</b>	-
Cổ phiếu phổ thông	6.500	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>37.933.409</b>	<b>37.339.909</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.933.409	37.339.909
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

23.5 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>30.351.927.200</b>	<b>65.924.836.200</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	30.351.927.200	65.924.836.200
Cổ tức cho năm 2013: 800 VNĐ/cổ phiếu	30.351.927.200	-
Cổ tức cho năm 2012: 1.000 VNĐ/cổ phiếu	-	65.924.836.200
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc</i>	<i>Công ty Cổ phần Elcom Plus</i>	<i>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm (Trình bày lại)	49.781.192	6.651.028.058	-	-	-	6.700.809.250
Vốn góp từ cổ đông thiểu số tăng thêm trong năm	-	-	-	6.675.000.000	6.489.700.000	13.164.700.000
Phần lỗ thuộc về cổ đông thiểu số trong năm	(19.823.715)	(63.774.597)	(1.709.053.186)	(291.382.756)	(186.223.572)	(2.270.257.826)
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.957.477</b>	<b>6.587.253.461</b>	<b>(1.709.053.186)</b>	<b>6.383.617.244</b>	<b>6.303.476.428</b>	<b>17.595.251.424</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>330.621.604.296</b>	<b>418.706.908.180</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>77.737.088.225</i>	<i>149.449.764.875</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>91.766.561.147</i>	<i>188.458.898.391</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>123.205.395.546</i>	<i>48.694.640.225</i>
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	<i>37.912.559.378</i>	<i>32.103.604.689</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>330.621.604.296</b>	<b>418.706.908.180</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>77.737.088.225</i>	<i>149.449.764.875</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>91.766.561.147</i>	<i>188.458.898.391</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>123.205.395.546</i>	<i>48.694.640.225</i>
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	<i>37.912.559.378</i>	<i>32.103.604.689</i>

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.007.518.123	8.370.334.514
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.501.313	29.331.575.454
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.774.910.389	548.859.537
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	392.545.359	84.702.812
	<b>17.012.475.184</b>	<b>38.335.472.317</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.218.322.709	109.217.652.052
Giá vốn của hàng hóa	65.258.780.623	172.779.162.689
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	42.920.413.432	22.184.068.630
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	36.310.792.615	27.778.671.822
	<b>204.708.309.379</b>	<b>331.959.555.193</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền vay	6.164.084.873	3.365.538.460
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	262.755.000	527.422.167
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	209.524.504	1.766.076.253
Lỗi nhượng bán chứng khoán	-	2.317.101.176
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	-	(8.000.000.000)
Dự phòng các khoản đầu tư	8.015.664.223	10.039.933.577
Chi phí tài chính khác	32.443	31.442
	<b><u>14.652.061.043</u></b>	<b><u>10.016.103.075</u></b>

(\*) Công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà với số tiền là 8 tỷ đồng theo Quyết định của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 11 năm 2012 về xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế.

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.220.204.271</b>	<b>1.403.304.513</b>
Thu từ hoa hồng bán hàng	-	71.097.284
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.514.896.273	194.727.273
Thu nhập khác	7.705.307.998	1.137.479.956
<b>Chi phí khác</b>	<b>13.384.793.116</b>	<b>1.839.729.679</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	6.975.912.459	488.948.487
Chi phí khác	6.408.880.657	1.350.781.192
<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC</b>	<b><u>(3.164.588.845)</u></b>	<b><u>(436.425.166)</u></b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí mua hàng hóa	69.529.082.156	220.251.390.517
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.989.911.645	25.552.014.687
Chi phí nhân công	75.740.780.678	56.311.168.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.123.433.692	18.398.256.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.709.086.915	81.430.107.740
Chi phí dự phòng bảo hành	1.614.814.071	(9.647.377.801)
Chi phí bằng tiền khác	45.472.746.713	39.886.391.260
	<b><u>311.179.855.870</u></b>	<b><u>432.181.951.221</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.938.960.504	6.713.185.020
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.393.431.266)</u>	<u>(700.606.982)</u>
	<b><u>2.545.529.238</u></b>	<b><u>6.012.578.038</u></b>

#### 30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>64.374.581.365</b>	<b>37.983.180.828</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	72.716.842	144.594.531
Chi phí khấu hao không theo quy định	538.489.725	532.393.512
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	2.651.462.722	756.501.786
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(1.272.493.063)	(641.041.201)
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	3.756.884.172	3.497.719.903
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>70.121.641.763</b>	<b>42.273.349.359</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm	77.782.435.982	22.662.517.591
- Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	376.874.333	21.963.990.408
- Lỗ từ các công ty con (*)	(8.037.668.552)	(2.353.158.640)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>70.121.641.763</b>	<b>42.273.349.359</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>3.938.960.504</b>	<b>6.713.185.020</b>
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, phần mềm	3.889.121.799	1.133.125.880
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ hàng hóa	49.838.705	5.580.059.140
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>5.407.949.539</b>	<b>2.407.829.046</b>
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.948.950.727)	(3.713.064.527)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>6.397.959.316</b>	<b>5.407.949.539</b>

(\*) Đây là khoản lỗ trong năm của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

**30.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>		<i>(Trình bày lại)</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	2.226.830.650	833.399.383	(1.393.431.266)	(700.606.982)
<b>Thu nhập thuế hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(1.393.431.266)</b>	<b>(700.606.982)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Chung thành viên HĐQT	Cho vay	3.250.000.000
		Cho thuê văn phòng	197.926.182
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.260.000.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua hàng và bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Chung thành viên HĐQT	Cho thuê văn phòng	163.200.000
			<b>163.200.000</b>

VÀO  
 CHI  
 CỘI  
 H NH  
 NST  
 VIỆ  
 TÀI I  
 KIẾ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)</b>			
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000
			<b><u>13.000.000.000</u></b>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Chung thành viên HĐQT	Cho vay không lãi suất Phải thu lãi vay	700.000.000 357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi Hàng gửi bảo hành	7.800.000 19.284.641
			<b><u>1.084.862.419</u></b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 17.1)</b>			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.712.115.945
			<b><u>4.712.115.945</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17.2)</b>			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	23.607.447
			<b><u>23.607.447</u></b>
<b>Phải trả khác (Thuyết minh số 20)</b>			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Phải trả khoản ủy thác đầu tư	1.273.828.854
			<b><u>1.273.828.854</u></b>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.071.690.000	3.205.482.000
	<b><u>3.071.690.000</u></b>	<b><u>3.205.482.000</u></b>

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.099.309.953	32.628.300.377
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>64.099.309.953</u></b>	<b><u>32.628.300.377</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.840.817	36.688.486
Ảnh hưởng suy giảm		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>37.840.817</u></b>	<b><u>36.688.486</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	1.694	889
- Lãi suy giảm	1.694	889

32  
 JH  
 /  
 QU  
 JUN  
 M  
 /  
 P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (SP eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>							
<b>Doanh thu</b>							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	123.205.395.546	91.766.561.147	77.737.086.225	1.335.889.969	36.576.669.409	-	330.621.604.296
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	37.293.675.640	-	6.871.777.374	-	381.600.000	(44.547.053.014)	-
Giá vốn của các bộ phận	42.920.413.432	65.258.780.623	60.218.322.709	952.938.450	35.357.854.165	-	204.708.309.379
<b>Kết quả</b>							
Lợi nhuận/(lỗ) gộp trước thuế của bộ phận	80.284.982.114	26.507.780.524	17.518.765.516	382.951.519	1.218.815.244	-	125.913.294.917
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)							(61.538.713.552)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế							64.374.581.365
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(2.545.529.238)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>							<b>61.829.052.127</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>							
Tài sản bộ phận	218.875.175.827	163.023.884.767	138.100.436.090	2.373.217.103	64.978.687.927	-	587.351.401.713
Tài sản không phân bổ (**)							500.851.346.075
<b>Tổng tài sản</b>							<b>1.088.202.747.788</b>
<b>Công nợ bộ phận</b>	88.408.999.667	65.849.306.663	55.782.120.389	958.600.030	26.246.470.289	-	237.245.497.038
<b>Công nợ không phân bổ (***)</b>							<b>151.467.550.010</b>
<b>Tổng công nợ</b>							<b>388.713.047.048</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

- (\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.
- (\*\*) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.
- (\*\*\*) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau.

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Hà Nội</i>	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Địa phương khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	218.461.522.993	14.658.827.798	90.728.794.232	6.772.459.273	330.621.604.296
Tổng tài sản không phân bổ					1.088.202.747.788
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					67.487.591.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng, chi nhánh được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.792.755.657	3.591.144.000
Trên 1 – 5 năm	-	953.017.249
	<b>2.792.755.657</b>	<b>4.544.161.249</b>

#### Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê tài sản và hợp đồng cho thuê văn phòng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	28.819.108.535	1.703.954.760
Trên 1 – 5 năm	104.245.979.460	1.954.867.200
	<b>133.065.087.995</b>	<b>3.658.821.960</b>

#### Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Đơn vị tính: VND
			Số vốn chưa góp
1 Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2 Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc	17.850.000.000	-	17.850.000.000
3 Công ty Cổ phần Elcom Plus	7.650.000.000	-	7.650.000.000
4 Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	7.500.000.000	15.000.000.000
5 Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
6 Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
7 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
8 Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	71.428.500.000	300.000.000	71.128.500.000
9 Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
	<b>635.346.500.000</b>	<b>64.692.240.000</b>	<b>570.654.260.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

**Các tổn thất tiềm tàng (tiếp theo)**

*Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác*

Như được trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty và các công ty con có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty và các công ty con dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Năm nay</b>		
VND	+18	(133.370.690)
VND	-18	133.370.690
<b>Năm trước</b>		
VND	+2	(16.318.348)
VND	-2	16.318.348

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty và các công ty con có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty và các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty và các công ty con lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty và các công ty con không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Thay đổi tỷ giá</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Năm nay</b>		
USD	+1%	(643.275.654)
USD	-1%	643.275.654
<b>Năm trước</b>		
USD	+1%	(988.306.618)
USD	-1%	988.306.618

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty và các công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty và các công ty con quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty con cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty và các công ty con có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty và các công ty con chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty và các công ty con có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty và các công ty con có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty và các công ty con thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG  
 B09-DN/HN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng (tiếp theo)***

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty và các công ty con. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty và các công ty con đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty và các công ty con nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các công cụ tài chính khác***

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đơn vị tính: VNĐ

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
			6 tháng - 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	> 3 năm
Số cuối năm	431.341.443.948	405.049.638.219	237.847.500	586.786.561	17.467.171.668	8.000.000.000
Số đầu năm	363.026.360.731	317.692.147.920	413.299.850	3.644.187.130	33.276.725.832	8.000.000.000

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty và các công ty con giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và các công ty con và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Bảng dưới đây hợp nhất thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	74.094.827.699	33.290.524.217	107.385.351.916
Phải trả người bán	181.699.236.511	-	-	181.699.236.511
Chi phí phải trả	2.543.855.785	-	-	2.543.855.785
Các khoản phải trả khác	21.683.163.472	-	-	21.683.163.472
	<b>205.926.255.768</b>	<b>74.094.827.699</b>	<b>33.290.524.217</b>	<b>313.311.607.684</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	81.591.738.221	-	81.591.738.221
Phải trả người bán	158.747.339.883	-	-	158.747.339.883
Chi phí phải trả	1.823.038.890	-	-	1.823.038.890
Các khoản phải trả và khoản phải trả khác	10.768.475.455	-	-	10.768.475.455
	<b>171.338.854.228</b>	<b>81.591.738.221</b>	<b>-</b>	<b>252.930.592.449</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con.

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Đầu tư ngắn hạn	22.234.215.740	(2.962.671.833)	6.402.715.740	(2.962.718.757)	19.271.543.907	3.439.996.983
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.346.920.000	(2.962.671.833)	4.346.920.000	(2.962.718.757)	1.384.248.167	1.384.201.243
Đầu tư dài hạn khác	144.403.982.001	(19.078.873.726)	121.403.186.137	(11.063.162.579)	125.325.108.275	110.340.023.558
Phải thu khách hàng	397.427.735.291	(1.436.960.540)	322.737.290.557	(3.826.167.753)	395.990.774.751	318.911.122.804
Phải thu khác	36.961.094.197	(1.610.425.000)	65.541.735.332	(21.426.497.405)	35.350.669.197	44.115.237.927
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.385.152.551	-	102.431.720.910	-	54.385.152.551	102.431.720.910
	<b>655.412.179.780</b>	<b>(25.088.931.099)</b>	<b>618.516.648.676</b>	<b>(39.278.546.494)</b>	<b>630.323.248.681</b>	<b>579.238.102.182</b>

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	107.385.351.916	81.591.738.221	107.385.351.916	81.591.738.221
Phải trả người bán	181.699.236.511	158.747.339.883	181.699.236.511	158.747.339.883
Chi phí phải trả	2.543.855.785	1.823.038.890	2.543.855.785	1.823.038.890
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.683.163.472	10.768.475.455	21.683.163.472	10.768.475.455
	<b>313.311.607.684</b>	<b>252.930.592.449</b>	<b>313.311.607.684</b>	<b>252.930.592.449</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC**

Các dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty và các công ty con đã được trình bày lại để điều chỉnh ảnh hưởng của một số sai sót kế toán trong các năm trước như:

- ▶ Trong các năm tài chính trước, Công ty đã ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong khi trên thực tế, Công ty đã nắm quyền kiểm soát đối với công ty này, thể hiện qua việc Công ty sở hữu 52,39% vốn cổ phần thực tế của công ty này, cũng như việc Công ty nắm 2 trên 3 thành viên hội đồng quản trị của công ty này. Do đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố để sửa chữa sai sót kế toán này bằng việc hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn vào báo cáo tài chính hợp nhất của các năm tài chính trước. Việc điều chỉnh hồi tố này có ảnh hưởng đến các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;
- ▶ Cũng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn, tại ngày mua công ty con này, Công ty đã đánh giá rằng đây không phải là một giao dịch hợp nhất kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn không đáp ứng điều kiện là một hoạt động kinh doanh tại ngày mua. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá rằng, trên thực tế, đây là một giao dịch mua một nhóm các tài sản, chủ yếu bao gồm quyền thăm dò khai thác mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà P1, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn nắm giữ tại ngày mua. Trên cơ sở đó, Công ty đã phân bổ giá mua cho các tài sản do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới nắm giữ và trích hao mòn tương ứng đối với các tài sản này kể từ ngày mua.
- ▶ Điều chỉnh sai sót liên quan đến việc phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Khoản lợi thế thương mại này phát sinh vào ngày mua, là vào tháng 12 năm 2007, nhưng lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh này trước đây được phân bổ hết cho cả năm 2007.
- ▶ Điều chỉnh sai sót liên quan đến các bút toán cản trừ giao dịch nội bộ, công nợ nội bộ bị hạch toán sai trong các năm tài chính trước.

TRÁI  
ER  
T  
S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

Chi tiết của các điều chỉnh nêu trên ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Đơn vị tính: VND

Mã số	Khoản mục	Số trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh lại	Số sau khi điều chỉnh
111	Tiền	17.113.629.277	309.591.633	17.423.220.910
112	Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	8.500.000	85.008.500.000
121	Đầu tư ngắn hạn	8.302.715.740	(1.900.000.000)	6.402.715.740
131	Phải thu khách hàng	343.909.784.079	(21.172.493.522)	322.737.290.557
132	Trả trước cho người bán	28.642.279.423	799.890.000	29.442.169.423
135	Các khoản phải thu khác	59.698.996.664	5.842.738.668	65.541.735.332
141	Hàng tồn kho	80.573.365.759	1.373.104.748	81.946.470.507
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.363.828.017	59.030.216	5.422.858.233
158	Tài sản ngắn hạn khác	20.492.331.893	3.474.915	20.495.806.808
218	Phải thu dài hạn khác	94.860.000	(94.860.000)	-
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	160.678.682.723	3.156.261.588	163.834.944.311
223	Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(36.772.599.370)	(851.506.687)	(37.624.106.057)
228	Nguyên giá tài sản cố định vô hình	13.392.380.384	11.100.000.000	24.492.380.384
229	Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	(3.231.570.780)	(6.320.833.333)	(9.552.404.113)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.930.541.368	10.698.792.710	45.629.334.078
252	Đầu tư vào công ty liên kết	20.981.626.801	(1.600.000.000)	19.381.626.801
258	Đầu tư dài hạn khác	140.142.786.137	(18.739.600.000)	121.403.186.137
261	Chi phí trả trước dài hạn	15.898.423.070	649.489.031	16.547.912.101
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.836.773.048	(1.003.373.665)	833.399.383
268	Tài sản dài hạn khác	-	374.860.000	374.860.000
269	Lợi thế thương mại	6.471.808.500	2.157.231.500	8.629.040.000
312	Phải trả người bán	179.353.594.169	(20.606.254.286)	158.747.339.883
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.156.787.884	62.800	8.156.850.684
315	Phải trả người lao động	937.961.366	40.320.460	978.281.826
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.661.561.164	225.117.797	17.886.678.961
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	117.883.619.225	(1.459.975.927)	116.423.643.298
439	Lợi ích của cổ đông thiểu số	49.782.292	6.651.026.958	6.700.809.250

14  
CHI  
CỘ  
1 NH  
ST  
1 ET  
1 H  
1 EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Mã số</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số trước khi điều chỉnh</i>	<i>Điều chỉnh lại</i>	<i>Số sau khi điều chỉnh</i>
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.889.757.262	(182.849.082)	418.706.908.180
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(331.472.449.303)	(487.105.890)	(331.959.555.193)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	39.419.572.798	(1.084.100.481)	38.335.472.317
22	Chi phí tài chính	(11.022.649.035)	1.006.545.960	(10.016.103.075)
24	Chi phí bán hàng	(7.102.788.259)	(8.627.200)	(7.111.415.459)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(66.507.320.168)	(3.343.641.761)	(69.850.961.929)
31	Thu nhập khác	1.403.304.513	-	1.403.304.513
32	Chi phí khác	(1.804.960.744)	(34.768.935)	(1.839.729.679)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	471.225.289	229.381.693	700.606.982
61	Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số	(8.715.135)	(648.982.452)	(657.697.587)
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	35.884.483.119	(3.256.182.742)	32.628.300.377

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Mã số</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số trước khi điều chỉnh</i>	<i>Điều chỉnh lại</i>	<i>Số sau khi điều chỉnh</i>
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	396.234.405.431	(17.225.120.795)	379.009.284.636
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(406.259.516.844)	17.168.338.745	(389.091.178.099)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(61.847.032.742)	(509.110.966)	(62.356.143.708)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	9.569.863.587	450.116.898	10.019.980.485
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(37.116.670.065)	(568.238.406)	(37.684.908.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh	(106.414.785.037)	(684.014.524)	(107.098.799.561)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.750.000.000)	520.000.000	(1.230.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	47.885.413.846	8.420.479	47.893.834.325
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.399.546.425)	528.420.479	(4.871.125.946)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	107.177.127.587	300.000.000	107.477.127.587
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(89.081.863.947)	144.405.955	(88.937.457.992)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	190.601.931.601	173.685.678	190.775.617.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	102.113.629.277	318.091.633	102.431.720.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và các công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con.

		
_____ Người lập Chu Hồng Hạnh	_____ Kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Minh	_____ Tổng Giám đốc Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

